

/ Một vài so sánh về bộ Quốc triều hình luật (thời Lê) và bộ Hoàng Việt luật lệ (thời Nguyễn)

NGUYỄN THỊ BẰNG*

Với sự kiện họ Khúc giành quyền tự chủ năm 905 và Chiến thắng trên sông Bạch Đằng năm 938 do Ngô Quyền lãnh đạo, nhân dân ta đã chính thức thoát khỏi ách đô hộ hơn 1000 năm của phong kiến phương Bắc, mở ra một thời kì độc lập tự chủ, xây dựng và phát triển quốc gia độc lập. Từ đó, những người đứng đầu các triều đại phong kiến nước ta luôn chú ý xây dựng, sử dụng các công cụ khác nhau để củng cố quyền lực của Nhà nước như: việc tổ chức bộ máy chính quyền, chấn chỉnh quân đội, đặc biệt nhấn mạnh tầm quan trọng của luật pháp trong việc quản lý mọi mặt của đời sống xã hội. Tiêu biểu cho hệ thống pháp luật thành văn của nước ta thời phong kiến phải kể đến hai bộ luật: Quốc triều hình luật (còn gọi là Luật Hồng Đức) thời Lê và Hoàng Việt luật lệ (còn gọi là Luật Gia Long) thời Nguyễn.

Hiện nay, có khá nhiều công trình của các nhà nghiên cứu dưới góc độ lịch sử hay luật học quan tâm, bàn luận về hai bộ luật trên. Song có thể thấy, hầu hết các công trình mới chủ yếu khảo cứu về một số nội dung hoặc chế định của hai bộ luật mà chưa có sự đánh giá toàn diện, tổng thể về

hai bộ luật trên các khía cạnh: bối cảnh lịch sử ra đời, nguồn gốc, nội dung pháp luật, đặc điểm, tính chất pháp luật.

Bởi vậy, khi nghiên cứu hai bộ luật nói trên, chúng ta không chỉ thấy được sự phát triển của hệ thống pháp luật Việt Nam thời phong kiến mà còn biết được cách thức tổ chức, quản lý đất nước của những người đứng đầu các triều đại lúc bấy giờ. Đặc biệt, đứng trên góc độ lịch sử, khi so sánh hai bộ luật, bài viết sẽ rút ra những điểm giống và khác nhau của hệ thống pháp luật dưới hai triều đại, lí giải các yếu tố tác động dẫn tới những điều đó, góp một phần nhỏ vào việc đánh giá lí do hưng thịnh của thời Lê sơ và thời Nguyễn trong toàn bộ tiến trình phát triển của chế độ phong kiến Việt Nam.

1. Khái quát chung về Quốc triều hình luật thời Lê và Hoàng Việt luật lệ thời Nguyễn

Với 360 năm tồn tại, triều đại nhà Lê đã để lại những thành tựu đáng kể trên lĩnh vực pháp luật. Trong đó, *Quốc triều hình luật* được coi là bộ luật quan trọng nhất và chính thống nhất của triều Lê⁽¹⁾.

* ThS. Nguyễn Thị Bằng, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Pháp luật ở buổi đầu thời Lê sơ tuy đã được chú trọng nhưng chưa phát triển đến đỉnh cao. Lê Thánh Tông (1460-1497) đã có những đóng góp lớn lao để hoàn thiện về cơ bản bộ *Quốc triều hình luật* bởi vậy bộ luật này còn được gọi là *Luật Hồng Đức*.

Theo bản chữ Hán ký hiệu A.341 và bản dịch của Viện Sử học, *Quốc triều hình luật* có 13 chương (gồm các chương Danh lệ, Vệ cấm, Vi chế, Quân chính, Hộ hôn, Diên sản, Thông gian, Đạo tặc, Đấu tụng, Trá ngục, Tập luật, Bộ vong, Đoán ngục), được ghi chép trong 6 quyển với 722 điều. Ngoài ra, mở đầu *Quốc triều hình luật* có các đồ biểu quy định về các hạng để tang và tang phục, về kích thước và các hình cụ (roi, trượng, gông, dây sắt...).

Thời nhà Nguyễn, từ Gia Long đến Tự Đức, các hoàng đế đều quan tâm, chú ý xây dựng luật pháp. Hoạt động lập pháp của triều Nguyễn đã có những thành tựu đáng kể, trong đó điển hình là bộ *Hoàng Việt luật lệ*.

Hoàng Việt luật lệ được soạn thảo theo quy trình chặt chẽ dưới sự kiểm soát của Hoàng đế. Theo Đại Nam thực lục, năm 1811, Gia Long lệnh cho triều thần biên soạn bộ luật. Nguyễn Văn Thành được đặc cử làm Tổng tài cùng với Vũ Trinh và Trần Hựu chịu trách nhiệm trước nhà vua về xây dựng bộ luật. Năm 1812, Gia Long viết lời Tựa mở đầu bộ luật, trong đó khái lược về tư tưởng và thành tựu lập pháp, chỉ rõ yêu cầu cấp thiết của việc ban hành bộ luật đồng thời khẳng định ý nghĩa của pháp luật trong thực tiễn. Năm 1815, bộ luật được in thành sách ban hành trên phạm vi toàn quốc, gồm 398 điều, chia thành 22 quyển. Việc chia quyển đã bước đầu có sự

phân ngành, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình áp dụng pháp luật (như Luật lại, Luật hộ, Luật lễ, Luật binh, Luật hình, Luật công...).

2. Một số điểm giống nhau giữa Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ

Thứ nhất, về hình thức: đều là các bộ luật tổng hợp bao gồm nhiều ngành luật như luật hình sự, luật dân sự, luật tố tụng, luật hôn nhân gia đình, luật hành chính, có phạm vi điều chỉnh rất rộng, tác động tới hầu hết các lĩnh vực trong đời sống xã hội.

Thứ hai, về tính chất, hai bộ luật đều bảo vệ quyền thống trị của nhà nước phong kiến tập quyền; bảo vệ lợi ích, đặc quyền đặc lợi của giai cấp địa chủ phong kiến và tầng lớp quý tộc quan liêu; củng cố, bảo vệ tôn ty trật tự xã hội phong kiến, chế độ gia đình gia trưởng và các nguyên tắc đạo đức phong kiến.

Các hành vi xâm hại sự an toàn của triều đại, vương quyền và trật tự xã hội phong kiến được xếp vào tội thập ác và bị xử lý rất nặng. Cả hai bộ luật đều có những quy định việc bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự cho nhà vua, bảo vệ cung điện, hoàng thành, quyền lợi kinh tế của nhà vua cũng được luật bảo vệ chặt chẽ. Hai bộ luật có quy định nghiêm trị những hành vi xâm hại quyền sở hữu ruộng đất của Nhà nước, nghiêm cấm việc ẩn lậu thuế...; quy định bảo vệ quyền sở hữu tư nhân của giai cấp địa chủ (như luật triều Nguyễn còn thừa nhận việc chuyển quyền chiếm hữu ruộng đất lâu năm thành quyền sở hữu, tạo điều kiện cho giai cấp địa chủ và tầng lớp quý tộc, quan lại lấn chiếm ruộng đất).

Việc củng cố, bảo vệ trật tự xã hội, chế độ gia đình gia trưởng, nguyên tắc đạo đức phong kiến được thể hiện rõ nét nhất trong ngành luật hôn nhân và gia đình, luật tố tụng tại hai bộ luật.

Thứ ba, về nguồn hình thành luật: đều hình thành trên cơ sở vận dụng các phong tục tập quán của dân tộc và tiếp thu nhiều thành tựu, kĩ thuật lập pháp của pháp luật phong kiến Trung Hoa.

Các nhà nước phong kiến thời Lê và thời Nguyễn đã thừa nhận các tập quán riêng của từng làng, từng địa phương. Có những tập quán được văn bản hóa thành bộ luật của làng (gọi là hương ước) dùng để điều chỉnh các quan hệ chính trị, kinh tế, xã hội, tín ngưỡng... trong phạm vi làng; một số tập quán được ghi nhận trong các bộ luật. Chẳng hạn trong Quốc triều hình

luật quy định xét xử tội theo phong tục địa phương: *“Những người miền thượng du cùng phạm tội với nhau thì theo phong tục xử ấy mà định tội. Những người thượng du phạm tội với người trung châu thì theo luật mà định tội* (Điều 40) ⁽²⁾; kết hôn phải đủ sinh lễ theo quy định của làng (Điều 314); lập người phụng sự hương hỏa (Điều 389)...

Về cơ bản, Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ đều có tiếp thu, mô phỏng theo luật Trung Hoa. Danh mục các chương, tội danh, hệ thống ngũ hình... đều phỏng theo hoặc sao chép luật phong kiến Trung Hoa. Chẳng hạn, về hình thức, cấu trúc của *Quốc triều hình luật* được mô phỏng theo cấu trúc của luật nhà Đường. (Bảng 2.1)

Như vậy, trừ 4 chương 3, 4, 6, 7 thì 9 chương còn lại của Quốc triều hình luật đều

Bảng 2.1: Các chương trong Quốc triều hình luật và luật nhà Đường ⁽³⁾

Số thứ tự	Quốc triều hình luật (722 điều)	Luật nhà Đường (509 điều)
1	Danh lệ	Danh lệ
2	Vệ cấm	Vệ cấm
3	<i>Vi chế (lâm trái pháp luật)</i>	Chức chế (Quy định về quan chức)
4	<i>Quân chính</i>	Hộ hôn
5	Hộ hôn	Khái khổ (công khổ)
6	<i>Diễn sản</i>	Thiên hưng (chuồng voi, chuồng ngựa của nhà vua, quân đội)
7	<i>Thông gian</i>	Đạo tặc
8	Đạo tặc	Đấu tụng
9	Đấu tụng	Trá nguy
10	Trá nguy	Tạp luật
11	Tạp luật	Bộ vong
12	Bộ vong	Đoán ngục
13	Đoán ngục	

giống với các chương còn lại của bộ luật nhà Đường.

Việc tiếp thu thành tựu luật pháp của Trung Hoa đã được vua Gia Long nói tới khi viết lời tựa cho bộ *Hoàng Việt luật lệ*: “... Các triều đình phương Bắc, các vua dựng lên những là Hán, Đường, Tống, Minh... Mỗi triều đại, sách về luật lệ đều có sửa đổi mà đầy đủ nhất là triều đại nhà Thanh. Thế nên, ta ra lệnh cho triều thần lấy luật lệ của các triều đại nước ta làm căn bản, tham chiếu luật Hồng Đức và luật Thanh triều...”⁽⁴⁾ Điều này cũng được Nguyễn Văn Thành (người được vua Gia Long sai làm Tổng tài cùng các quan đại thần khác nghiên cứu biên soạn luật) khẳng định lại trong sớ tấu đệ trình bộ luật lên vua Gia Long: “*Khi xem xét đến bộ luật triều Thanh, Đức thánh thượng nhận thấy đó là bộ luật gồm đủ các sắc luật của các triều đại trước nên ban sắc chỉ, dạy các quan đem ra bàn bạc, xem xét cùng hạ thần ngõ hầu chọn lấy những gì khả dĩ soạn thành bộ luật riêng để dùng trong nước*”⁽⁵⁾.

Thứ tư, đều có sự kết hợp giữa tư tưởng pháp trị và đức trị. Tư tưởng đức trị và pháp trị xuất hiện ở Trung Quốc vào thời kì Xuân Thu - Chiến Quốc. Đức trị là học thuyết về cai trị của phái Nho gia, pháp trị là học thuyết về cai trị của phái Pháp gia. Về cơ bản, đây là hai phương thức cai trị tiêu biểu của Trung Quốc và có ảnh hưởng đến nhiều nước, trong đó có Việt Nam. Sự kết hợp giữa đức trị và pháp trị được biểu hiện là các điều luật đề ra rất coi trọng, bảo vệ những chuẩn mực đạo đức, lễ nghi, cương vị bốn phần của từng cá nhân trong xã hội, trừng phạt nặng những hành vi xâm hại những lễ nghi đó. Điều này có thể

thấy trong chương Vi chế (Điều 97 đến Điều 240), chương Hộ hôn (Điều 309 đến Điều 341), chương Thông gian (Điều 401 đến Điều 410) của Quốc triều hình luật. Hay trong Hoàng Việt luật lệ, ta cũng có thể thấy các quy định rõ ràng trong Quyển 4, 5: Luật Lại, quy định về chức chế và công vụ (27 điều, từ Điều 46 đến Điều 72), Quyển 9: Luật Lễ, quy định về lễ nghi triều đình, tế tự, lăng tẩm, nhà cửa, y phục (26 điều, từ Điều 139 đến Điều 164), Quyển 7: luật về hôn nhân (16 điều, từ Điều 94 đến Điều 109).

Đặc biệt, một trong những biểu hiện của sự kết hợp này đó chính là những điều luật thể hiện tính chất nhân đạo của luật pháp thời Lê cũng như thời Nguyễn. Ví dụ, Quốc triều hình luật có sự ưu ái với những đối tượng phạm tội lúc trẻ tới già bị phát giác, khỏe mạnh tới lúc tàn tật bị phát giác (Điều 17); có chính sách khoan hồng với người phạm tội tuy chưa bị phát giác và tự thú trước (trừ phạm tội thập ác hoặc giết người) (Điều 18, 19); cho chuộc tội bằng tiền (Điều 21, 22, 23, 24).

Tính nhân đạo của *Hoàng Việt luật lệ* được thể hiện ở việc quy định: không được tra tấn người già, trẻ em (Điều 369); thụ lí và xử án rất phân minh với phụ nữ, đặc biệt là người đang mang thai (Điều 19, Điều 385)... Ngoài ra, tính nhân đạo của bộ luật còn thấy rõ qua việc từng phiên tòa mở trong năm (trừ các tội Mưu phản, Đại phản nghịch, Đạo tặc...). Theo luật, các phiên xử thường tổ chức vào đầu mùa thu chứ không mở vào mùa hè vì theo luật, mùa hè thời tiết nóng sẽ ảnh hưởng xấu đến việc buộc tội của các pháp quan. Nếu phiên tòa xử trong mùa thu năm nay mà

chưa có phán quyết cuối cùng thì phải đợi đến mùa thu năm tới mới quyết án.

Thứ năm, về nội dung: đều có hai nhóm tội là thập ác và các nhóm tội khác, có hình phạt chính và hình phạt bổ sung, có ngũ hình là hình phạt chính (trong luật hình sự); các nguyên tắc cơ bản của luật hình sự, dân sự và tố tụng dân sự gần giống nhau; điều kiện kết hôn được quy định chặt chẽ, thủ tục kết hôn gồm đính hôn và kết hôn (trong luật hôn nhân gia đình).

Trong Điều 2 của bộ Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ đều quy định nhóm tội Thập ác. Bên cạnh đó, mỗi bộ luật đều có những nhóm tội khác. Ví dụ, trong *Quốc triều hình luật*: tội xâm phạm an toàn thân thể nhà vua (Điều 50, 51, 52); vi phạm trật tự công cộng (Điều 557); xâm phạm lễ nghi triều đình (Điều 104, Điều 107); xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự con người (Điều 415, 465, 473, 475, 489); tội xâm phạm chế độ sở hữu ruộng đất (Điều 342, 343, 344), tội tình dục

(Điều 317, 321, 475, 476...). *Hoàng Việt luật lệ* có các nhóm tội khác như: Đạo tặc (Giặc cướp, từ Điều 223 đến Điều 250), Nhân mạng (Giết người, Điều 251 đến Điều 270), Đấu殴 (Đánh nhau, từ Điều 271 đến Điều 292), Lãng mạ (Chửi mắng, Điều 293 đến Điều 300), Hối lộ (nhận của đút lót, từ Điều 312-320), trá ngụy (man trá, giả mạo), Phạm gian (Gian dâm, Điều 332 đến Điều 340)...

Hai bộ luật còn có một số nguyên tắc hình sự giống nhau. Cụ thể xem bảng 2.2

Thứ sáu, về kỹ thuật lập pháp, chế tài: xây dựng các điều luật rất chi tiết, cụ thể giúp cho người áp dụng pháp luật dễ hiểu, dễ áp dụng; phổ biến là chế tài hình sự.

Có thể thấy ở cả hai bộ luật, các nhà làm luật phong kiến thời Lê cũng như thời Nguyễn đã đề ra những quy định có tính chi tiết chứ không nêu ra những khái niệm pháp lý, những nguyên tắc pháp lý. Cả hai bộ luật đều không nêu ra định nghĩa về tội

Bảng 2.2. Các nguyên tắc hình sự giống nhau của Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ

Nguyên tắc hình sự	Quốc triều hình luật	Hoàng Việt luật lệ
<i>Nguyên tắc vô luật bất hình</i> : chỉ khép tội khi có trong bộ luật quy định tội danh đó	Điều 683, 685, 708, 722	Điều 380
<i>Nguyên tắc chiếu cố</i> : các đối tượng được chiếu cố thuộc diện Bất nghị, phụ nữ, trẻ em, người tàn tật, người già;	Điều 3	Điều 3
<i>Nguyên tắc truy cứu trách nhiệm hình sự</i> : căn cứ vào các mối quan hệ hôn nhân, huyết thống, đồng cư	Điều 35, 38	Điều 223, 224, 225
<i>Nguyên tắc chuộc tội bằng tiền</i>	Điều 6, 14, 16, 21, 22	Danh lệ và Điều 21

Nguồn: *Quốc triều hình luật (bản dịch)*, Nxb Tư pháp, Hà Nội, 2013.

Hoàng Việt luật lệ (Bản dịch), tập I, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1994.

phạm nói chung và về từng tội phạm nói riêng mà đi ngay vào miêu tả cụ thể, chi tiết từng hành vi, mức độ, hậu quả phạm tội... Điều này cho thấy về cơ bản, các nhà làm luật phong kiến chưa có khái niệm phân chia pháp luật thành các ngành luật như ở thời cận hiện đại sau này nhưng ở thời điểm đó nó lại giúp cho người thực hiện pháp luật dễ dàng hiểu được nội dung các điều luật và áp dụng vào trong cuộc sống. Ví dụ: quy định về tội trộm cắp, không nêu khái niệm thế nào là tội trộm cắp nói chung mà đi vào quy định cụ thể ngay, như trộm cắp một con trâu thì bị phạt thế nào... Chế tài trong các quy phạm pháp luật, dù trong lĩnh vực hình sự hay các lĩnh vực hành chính, dân sự, ruộng đất, hôn nhân và gia đình... đều phổ biến là chế tài hình sự, trong các điều luật hầu hết đều quy định các hình phạt.

3. Một số nét khác biệt giữa Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ

Một là, về hiệu lực: Về cơ bản, bộ Quốc triều hình luật được áp dụng trong suốt thời Lê sơ và cả thời kì Lê trung hưng sau này với phạm vi chủ yếu là Đàng Ngoài. Trong khi đó, Hoàng Việt luật lệ là bộ luật đầu tiên có hiệu lực và được áp dụng trên toàn lãnh thổ Đại Nam từ 1815 đến 1883, thống nhất từ Đàng Trong đến Đàng Ngoài, điều chỉnh mọi lĩnh vực trong đời sống xã hội. Từ sau năm 1884, bộ Hoàng Việt luật lệ mất hiệu lực từng phần dưới sự tác động của chính quyền thực dân.

Hai là, về hình thức, kĩ thuật lập pháp: Quốc triều hình luật chưa có tính khái quát hóa cao và phân ngành rõ như Hoàng Việt luật lệ.

Bộ Hoàng Việt luật lệ có 398 điều, chia thành 22 quyển. Các điều khoản của luật được chia thành 6 loại⁽⁶⁾ (mà nội dung của nó tương ứng với công việc của Nhà nước do 6 bộ phụ trách để áp dụng) đã thể hiện tư duy, ý thức về việc xây dựng ngành luật.

Trong Hoàng Việt luật lệ, các điều luật được xây dựng theo cấu trúc: tên tội, điều luật, giải thích, điều lệ. Một số còn có thêm phần tập chú. Tuy nhiên, không phải điều nào cũng có cấu trúc đó.

Hoàng Việt luật lệ đã đặt tên tội danh cho mỗi tội phạm tương ứng ở từng điều luật. Đây cũng là đặc điểm thể hiện sự tiến bộ, là điểm khác biệt so với Quốc triều hình luật. Quốc triều hình luật không đặt tên tội danh cho hành vi mà chỉ mô tả trực tiếp hành vi phạm tội cụ thể. Việc đặt tên tội danh cho hành vi nào đó thể hiện khả năng khái quát của nhà lập pháp triều Nguyễn. Tuy nhiên, sự khái quát ở đây còn ở mức độ hạn chế nên phần lớn tên các tội danh là sự mô phỏng các hành vi phạm tội thực tế. Ví dụ, Điều 47, Hoàng Việt luật lệ có tội danh "*Vào làm quan chuyên tư tiện tuyển quan theo ý mình*"⁽⁷⁾ có thể khái quát hơn với tên gọi tội "*Chuyên tuyển quan trái phép*".

Trong bộ Quốc triều hình luật các tội xâm phạm tính mạng của con người được quy định rải rác ở các chương khác nhau và khi quy định các tội xâm phạm tính mạng con người, nhà làm luật không đặt tên tội cho hành vi được quy định mà mô tả ngay hành vi đó. Còn trong Hoàng Việt luật lệ, các tội xâm phạm tính mạng của con người đã được quy định tập trung trong quyển 14: "*Luật hình về tội giết người*" (gồm 20 điều, từ Điều 251 đến Điều 270) với những tội

đanh cụ thể: “Mưu giết sử nhà vua và bản quản quan trưởng” (Điều 252), “Giết ba mạng người cùng một nhà” (Điều 256)... Điều này cho thấy trình độ lập pháp hình sự thời Nguyễn có sự tiến bộ đáng kể.

Ba là, mức độ tham khảo luật pháp phong kiến Trung Hoa: luật pháp phong kiến Trung Hoa có từ lâu đời và phát triển tới trình độ cao nên việc các nhà làm luật của nước ta thời phong kiến tiếp thu những thành tựu lập pháp Trung Hoa là điều tất yếu. Tuy nhiên, mức độ tham khảo, tiếp thu của hai bộ Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ có sự khác nhau.

Bộ Quốc triều hình luật chịu ảnh hưởng của luật pháp nhà Đường, nhà Minh song lại có những điểm đặc sắc riêng biệt cả về phương diện hình thức bố cục và nội dung, với những điều không giống hoặc không có trong luật pháp Trung Quốc.

Về phần cấu trúc, sự giống nhau và khác nhau giữa luật nhà Lê với nhà Đường đã được đề cập ở bảng 2.1. Về cách thức thể hiện điều khoản, bên cạnh phần lớn các điều luật được trình bày theo cách mô tả hành vi phạm pháp và kết thúc bằng quy định biện pháp chế tài cụ thể thì lại có một số điều khoản điều chỉnh quan hệ thừa kế ruộng hương hỏa lại có cách trình bày rất độc đáo, dễ hiểu bằng việc mô tả những tình huống cụ thể (Điều 395) hoặc đưa ra những giả định thực tế với tên gọi cụ thể (Điều 397). Ở bộ Quốc triều hình luật, nhóm tội tình dục và vấn đề ruộng đất được quy định trong 2 chương riêng biệt (chương Thông gian và Diên sản). So với kết cấu của luật nhà Đường, nhà làm luật triều Lê đã không nhất thiết theo bố cục đó. Điều này cho thấy sự độc

lập tương đối và sự sáng tạo của các nhà làm luật triều Lê..

Về nội dung, trong Quốc triều hình luật có 261 điều khoản vay mượn hoàn toàn hoặc một phần từ luật nhà Đường, có 53 điều vay mượn từ bộ luật nhà Minh. Những điều khoản vay mượn đều thuộc các lĩnh vực hình sự, hành chính, lễ nghi triều chính và gia đình ⁽⁸⁾. Tuy nhiên, bộ Quốc triều hình luật hơn luật nhà Đường hơn 200 điều. Trong đó có rất nhiều điều không thấy trong bộ luật nhà Đường hoặc có nội dung khác ít nhiều. Những điều ấy rải rác khắp trong bộ luật, nhất là trong hai chương Hộ hôn và Diên sản.

Nhiều quan hệ trong hai lĩnh vực hôn nhân và gia đình, diên sản không được các nhà làm luật phong kiến Trung Hoa chú trọng. Bởi vậy, trong luật Trung Hoa không có quy định một cách rõ ràng về cách thức thành lập và hình thức các loại văn tự, chúc thư, không định rõ chế độ tài sản vợ chồng khi góa bụa và về chế độ thừa kế ⁽⁹⁾. Ngược lại, trong hai chương Hộ hôn và Diên sản, nhà làm luật triều Lê đã quy định một cách rõ ràng, cụ thể về cách thức làm các loại văn tự và chúc thư (Điều 366, Điều 375, 383, 390), về chế độ tài sản của vợ chồng khi góa bụa (Điều 376, 377). Đặc biệt đã có ý niệm phân biệt nguồn gốc và các loại tài sản của vợ chồng (Điều 374). Trong phần phân chia ruộng đất hương hỏa, Quốc triều hình luật quy định giao cho con thứ nếu con trưởng không đủ tư cách (Điều 392), nếu không có con trai thì con gái được hưởng (Điều 391, 395); còn theo luật Trung Hoa nếu không có con trai và không còn một người đàn ông nào trong họ thì con gái mới được hưởng ⁽¹⁰⁾. Cho thấy,

các nhà làm luật triều Lê đã vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo các điều luật Trung Hoa để phù hợp với những phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc.

Còn trong bộ Hoàng Việt luật lệ, khi khảo cứu nội dung các điều luật về hôn nhân, ruộng đất không thấy đề cập đến những điểm nói trên như bộ Quốc triều hình luật, đặc biệt là vấn đề quyền và chế độ tài sản của người phụ nữ. Chứng tỏ tính sáng tạo trong nội dung làm luật của triều Lê đã không còn được triều Nguyễn lưu giữ, điều này có thể do nhà Nguyễn đã tham khảo và áp dụng những quy định của luật nhà Thanh trong quá trình làm luật.

Bốn là, về nội dung: do không có điều kiện trình bày sự khác biệt của Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ trên tất cả các lĩnh vực nên bài viết chỉ dừng lại ở việc nêu lên một số điểm khác biệt cơ bản giữa hai bộ luật.

Trong lĩnh vực hình sự: so với Quốc triều hình luật, Hoàng Việt luật lệ quy định chế tài hình sự, nhất là hình phạt tử hình, nghiêm khắc hơn rất nhiều. Ví dụ, nếu Quốc triều hình luật không quy định chế độ "tộc tru" (giết cả họ) thì trong Hoàng Việt luật lệ đã chính thức quy định chế độ này tại Điều 223 (Mưu đại nghịch)⁽¹¹⁾.

Quốc triều hình luật không có chương điều riêng quy định các khái niệm, nguyên tắc pháp lý. Các nguyên tắc hình sự được khái quát thông qua nội dung của các điều luật. Còn những nguyên tắc hình sự của Hoàng Việt luật lệ được quy định chủ yếu trong phần Danh lệ, gồm 9 nguyên tắc cơ bản.

Trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình:

Khi quy định điều kiện kết hôn, Điều 314 của Quốc triều hình luật khẳng định việc kết hôn nhất thiết phải được sự đồng ý của hai bên cha mẹ, nếu cha mẹ chết thì phải được sự đồng ý của bậc thân thuộc bề trên hoặc của trưởng làng. Đây là điều kiện cơ bản nhất, loại trừ quyền kết hôn tự do của hai đương sự. Còn Điều 94 của Hoàng Việt luật lệ, bên cạnh việc quy định kết hôn phải có sự đồng ý của cha mẹ hai bên, còn quy định trường hợp ngoại lệ mà pháp luật thừa nhận là khi con cháu thành hôn mà chưa có ý kiến của ông bà, cha mẹ khi làm ăn buôn bán hoặc làm quan ở xa nhà. Quy định này phù hợp với điều kiện lãnh thổ rộng lớn, đi lại khó khăn và đã phần nào công nhận ý chí của chủ thể kết hôn. Hoàng Việt luật lệ còn có quy định cấm cha mẹ hứa hôn cho con cái khi đang còn là bào thai.

Trong mối quan hệ vợ chồng, Quốc triều hình luật có những điều luật bảo vệ, bình đẳng quyền lợi của người phụ nữ rất rõ rệt, còn điều này lại không thấy có trong Hoàng Việt luật lệ. Một số quyền lợi của người phụ nữ được Quốc triều hình luật bảo vệ như: người vợ có quyền xin ly hôn (Điều 308, Điều 333); quyền có tài sản riêng và thừa kế tài sản; được chồng bàn bạc các công việc hệ trọng. Còn Hoàng Việt luật lệ không quy định về tài sản riêng của người vợ, người vợ phụ thuộc vào chồng và gia đình nhà chồng. Tuy nhiên, trường hợp chồng chết, nếu là vợ quan chức thì được hưởng một phần lương bổng của chồng.

Trong lĩnh vực dân sự: Ở mức độ nhất định, bộ Quốc triều hình luật đã bảo vệ và quan tâm đến đời sống của dân thường, đặc biệt là người nghèo khổ. Có không ít

điều luật trừng phạt nghiêm khắc những người quyền quý ức hiếp, những nhiều dân đinh (Điều 300, 302, 304...). Bộ luật cũng có những quy định nhằm bảo vệ cuộc sống của những người dân cô quả, tàn tật, trẻ mồ côi không có khả năng tự mưu sống (Điều 294, 295) và chống nạn nô tì hóa (Điều 291, 365). Nghiên cứu hệ thống điều luật trong Hoàng Việt luật lệ cho thấy có sự phân biệt rất rõ rệt giữa các tầng lớp trong xã hội với xu hướng bảo vệ chặt chẽ tôn ti trật tự theo đúng quan điểm của Nho giáo. Thậm chí, có những điều luật hình sự rất hà khắc truy cứu trách nhiệm hình sự cả những người bị mắc bệnh tâm thần.

Trong chính sách đối với sản xuất nông nghiệp: Nhà làm luật triều Lê đã quy định trách nhiệm của quan lại địa phương về việc trông nom, bảo vệ dê điều, mùa màng, súc kéo (12 điều). Bộ luật trừng phạt rất nặng những hành vi phá hoại dê điều (Điều 596), chặt phá cây cối và lúa má của người khác (Điều 601), tự tiện giết trâu ngựa (Điều 580), thả trâu ngựa phá hoại hoa màu của dân (Điều 581)... Trong khi đó, bộ Hoàng Việt luật lệ chỉ có 1 điều luật quy định về đánh giết trâu ngựa (Điều 207), 2 điều luật quy định về dê điều (Điều 395, 396). Thông qua đây có thể thấy được sự quan tâm của chính quyền cai trị đối với vấn đề sản xuất nông nghiệp, hiểu được phần nào lý do sản xuất nông nghiệp thời Lê sơ lại phát triển còn dưới thời Nguyễn tình trạng vỡ đê thường xuyên xảy ra, kinh tế nông nghiệp kém phát triển.

4. Một vài nhận xét

Sự ra đời của bất kỳ một đạo luật nào cũng đều gắn liền với hoàn cảnh lịch sử

cũng như chịu ảnh hưởng của những yếu tố tư tưởng, chính trị, xã hội... nhất định. Pháp luật là một hiện tượng kiến trúc thượng tầng, được quyết định bởi các quan hệ kinh tế - xã hội nhưng khi ra đời, nó lại có tác động ngược trở lại. Khi pháp luật tiến bộ, phù hợp và đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước thì sẽ góp phần ổn định đất nước và thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, ngược lại khi pháp luật lỗi thời hoặc không phù hợp, không đáp ứng yêu cầu thực tế, không bảo đảm tính khả thi thì sẽ kìm hãm sự phát triển của kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, mức độ phát triển của pháp luật còn phụ thuộc vào nhận thức và thái độ của giai cấp cầm quyền lúc bấy giờ. Điều này lý giải những điểm tương đồng và những điểm khác nhau tất yếu về nội dung và tính chất pháp luật ở hai triều đại Lê sơ và Nguyễn.

Trước hết, có thể khẳng định mặc dù cách nhau hàng trăm năm, nhưng nhà Lê sơ và nhà Nguyễn đều xây dựng mô hình chính quyền quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền. Bởi vậy, pháp luật được coi trọng, xây dựng và sử dụng đều nhằm mục đích bảo vệ ngai vàng, bảo vệ quyền lợi cho giai cấp mình, bảo vệ trật tự xã hội có lợi cho sự tồn vong của chế độ mà họ lập nên.

Bản thân các vị vua đứng đầu triều đình nhà Lê và nhà Nguyễn đều thấy được tầm quan trọng của việc kết hợp giữa Đức trị và Pháp trị trong phép trị nước. Bởi vậy, tinh thần đó cũng được áp dụng vào trong quá trình làm luật ở cả hai triều đại. Đặc biệt, Nho giáo ở cả hai thời kỳ này đều được đề cao, chiếm vị trí độc tôn trong xã hội.

Năm 1464, vua Lê Thánh Tông tuyên bố: "*Pháp luật là phép công của nhà nước,*

ta cùng các người phải cùng theo" ⁽¹²⁾, "Trẫm nghe trị nước mà không có thưởng phạt thì dù là Đường Ngu cũng không thể trị được thiên hạ" ⁽¹³⁾, song ông cũng luôn lấy đức trị làm phương châm chính. Năm 1469, ông dụ quan dân cả nước rằng: "người ta khác giống cảm thú là vì có lễ để phòng giữ"⁽¹⁴⁾. Tư tưởng kết hợp Đức trị và Pháp trị ở vua Gia Long được thể hiện ngay trong Lời tựa của ông mở đầu bộ Hoàng Việt luật lệ: "*Thánh nhân cai trị thiên hạ đều dùng luật pháp để xử tội, dùng đạo đức để giáo hóa họ. Hai điều ấy không thiên bên nào bỏ bên nào...*"⁽¹⁵⁾.

Trong suốt quá trình tồn tại và phát triển của chế độ phong kiến Việt Nam, các triều đại phong kiến nước ta luôn có sự giao lưu, tiếp nhận những ảnh hưởng của văn hóa phương Bắc. Điều này góp phần lí giải sự mô phỏng, học tập, tiếp thu những thành tựu lập pháp của Trung Hoa trong quá trình xây dựng các bộ luật thời Lê và thời Nguyễn. Ví dụ, sự kết hợp Đức trị và Pháp trị "*là sản phẩm của hai hệ tư tưởng khác nhau; Nho giáo và cái mà các nhà nghiên cứu về lịch sử pháp chế Trung Quốc gọi là pháp gia... Sự kết hợp của hai hệ tư tưởng đó, cái đã trở thành đường lối chỉ đạo cho các vua đời sau của triều Lê không phải là một sáng tạo độc đáo của Thánh Tông mà do ông đã noi theo truyền thống pháp luật của Trung Quốc*" ⁽¹⁶⁾.

Tuy nhiên, dù có noi theo truyền thống pháp luật của Trung Hoa thì hệ thống pháp luật phong kiến Việt Nam vẫn được xây dựng trên cơ sở kinh tế - xã hội, phong tục tập quán truyền thống của Đại Việt; xuất phát từ tình hình chính trị, kinh tế, xã hội đương thời và đáp ứng những đòi hỏi cấp

thiết của tình hình đó. Chính những điều này đã đưa tới sự khác biệt của bộ Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ.

Trước hết là bộ Quốc triều hình luật:

Về chính trị: nhà Lê được thành lập nhờ thành quả của cuộc chiến tranh giải phóng khỏi ách đô hộ của nhà Minh nên tầng lớp khai quốc công thần có địa vị, vai trò và thế lực ảnh hưởng rất lớn trong triều đình, nhất là ở nửa đầu thế kỉ XV. Họ là lực lượng có vai trò quan trọng trong việc sáng lập, củng cố vương triều song cũng lại chính là nguy cơ đe dọa đến sự tồn vong của triều đại. Hai cuộc chính biến cung đình liên tiếp trong các năm 1459, 1460 đã cho Lê Thánh Tông thấy rõ được điều đó. Bởi vậy, các vua đầu triều Lê sơ luôn phải đề phòng nguy cơ tiềm quyền, lộng quyền, lạm quyền từ các đại công thần. Cho nên, bên cạnh những điều luật bảo vệ quyền lợi của hệ thống quan lại, quý tộc, Quốc triều hình luật cũng có nhiều điều khoản nhằm hạn chế thế lực ảnh hưởng, hạn chế sự lạm quyền của các quan đại thần nhằm buộc họ phải tuyệt đối trung thành, tận tụy với nhà vua. Việc nhấn mạnh, đề cao các điều luật nói về các tội xâm phạm đến an ninh quốc gia trong Quốc triều hình luật được lí giải bởi sự đề phòng của nhà Lê đối với nguy cơ tái xâm lược của nhà Minh, nhằm bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia trong hoàn cảnh vừa giành được độc lập.

Về kinh tế - xã hội: nhà Lê lên ngôi không phải bằng sự chuyển giao vương quyền từ dòng họ này sang dòng họ khác mà từ một cuộc chiến tranh nên không được kế thừa nguồn tài chính dự trữ từ các triều đại trước, thậm chí còn phải gánh

chịu những hậu quả của một thời kì đô hộ kéo dài 20 năm của nhà Minh và chiến tranh. Do vậy, sau chiến tranh, nhà nước phải đối mặt với một loạt những khó khăn về kinh tế xã hội như: kinh tế nông nghiệp bị tàn phá nghiêm trọng, ruộng đất bỏ hoang trong khi dân lưu tán trở về quê không có ruộng cày cấy dẫn đến phát sinh tình trạng tranh chấp ruộng đất. Do vậy, vấn đề cấp thiết của nhà Lê bấy giờ là phải kiểm soát được đất đai và dân chúng - nguồn cung cấp thuế, lao dịch, binh dịch cho nhà nước, đồng thời phục hồi, phát triển kinh tế nông nghiệp, ổn định trật tự xã hội. Do đó, trong Quốc triều hình luật có quy định rất rõ ràng trách nhiệm của quan chức địa phương trong việc quản lý, sử dụng ruộng công, buôn bán ruộng đất; những điều luật liên quan đến việc chăm lo phát triển sản xuất, bảo vệ sức kéo; các điều luật góp phần ổn định trật tự xã hội.

Mặc dù tiếp nhận ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo trong quá trình làm luật song bộ Quốc triều hình luật vẫn có những nội dung rất tiến bộ, thể hiện tính sáng tạo, đặc sắc riêng của luật pháp Việt Nam phản ánh trong các điều luật về quan hệ vợ chồng trong gia đình, quan hệ thừa kế ruộng đất và ruộng hương hỏa. Điều này được lí giải bởi triều đình phong kiến và các nhà làm luật thời Lê sơ đã thừa nhận và vận dụng một số phong tục, thói quen, nếp sống cổ truyền của dân tộc như truyền thống thờ cúng ông bà tổ tiên, bệnh vực người nghèo khó, tôn trọng người phụ nữ trong gia đình và xã hội. Chính sự kết hợp hài hòa những yếu tố đó đã tạo nên những điểm sáng trong bộ Quốc triều hình luật

khi đặt nó cạnh các bộ luật thành văn khác thời phong kiến.

Tiếp đến là bộ Hoàng Việt luật lệ:

Nhà Nguyễn được thành lập đứng trước những thời cơ và thách thức mang tính lịch sử và thời đại (tiếp quản một lãnh thổ đất nước thống nhất dài rộng từải Nam Quan đến mũi Cà Mau; xây dựng bộ máy chính quyền mới sau một thời gian dài các thế lực tranh chấp quyền lực; phong trào nông dân - cuộc đấu tranh giai cấp vẫn liên tiếp xảy ra từ đầu thế kỉ XVIII; kinh tế về cơ bản vẫn là hoạt động nông nghiệp nhưng diện tích ruộng đất tư đã chiếm đến 4/5 diện tích ruộng đất cả nước; sự phát triển kinh tế hàng hóa từ các thế kỉ XVI-XVIII; nhiều vấn đề giữa hai Đảng chưa được thống nhất và nguy cơ bị xâm lược từ các nước tư bản phương Tây). Nó đặt ra những vấn đề đòi hỏi người cai trị đất nước lúc đó phải có những việc làm phù hợp trong việc xây dựng, sử dụng pháp luật một cách hiệu quả để quản lý đời sống xã hội, để phát huy những lợi thế và khắc phục những khó khăn. Nếu không sẽ đưa đất nước ngày càng rơi vào tình trạng hỗn loạn.

Vua Gia Long đã nhìn thấy sự cần thiết phải xây dựng một bộ luật để giải quyết những khó khăn mà đất nước đang gặp phải, được thể hiện ngay trong lời tựa của bộ Hoàng Việt luật lệ: *"Các triều đại nước ta từ xưa đến nay đều có những pháp lệnh khuôn mẫu. Nhưng trải qua các biến loạn từ thời Tây Sơn, giềng mối tan chìm, luật pháp hư nát, xáo trá hoành hành, xử án qua loa. Mọi việc đâm ra thiếu sót, xử án theo lí đơn giản..."*⁽¹⁷⁾.

Do vậy, trên thực tế, bộ Hoàng Việt luật lệ đã có những điều luật quy định có

thể áp dụng trong điều kiện lãnh thổ đất nước dài rộng, như điều 94 luật hôn nhân; những hình thức xử phạt nghiêm khắc đối với hệ thống quan lại trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình; đề cao tôn ti trật tự trong các mối quan hệ của xã hội phong kiến.

Tuy nhiên, trong lĩnh vực kinh tế - xã hội: các điều luật trong bộ Hoàng Việt luật lệ đề cập nhiều đến vấn đề thu thuế mà chưa cho thấy sự quan tâm của chính quyền đến việc thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, chăm lo đời sống nhân dân, bên vực quyền lợi của người nghèo khổ, người phụ nữ trong xã hội... Chính vì vậy, hoạt động sản xuất nông nghiệp thời kì này sa sút và các phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân vẫn tiếp tục bùng nổ. Hơn nữa, trong các thế kỉ XVI-XVIII, nền kinh tế hàng hóa đã có sự phát triển mạnh mẽ, một số mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa đã xuất hiện, đòi hỏi chính quyền thống trị phải có sự quan tâm để thúc đẩy kinh tế tiếp tục phát triển, nhất là trong bối cảnh đứng trước nguy cơ bị chủ nghĩa tư bản phương Tây đe dọa xâm lược. Song thực tế, pháp luật nhà Nguyễn không làm được điều đó. Đây thực sự là hạn chế của không chỉ vương triều nhà Nguyễn mà của cả một số nhà nước phong kiến khác trong khu vực lúc bấy giờ (thời kỳ mà chế độ phong kiến đang bước vào giai đoạn suy tàn).

Tóm lại, Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ là hai bộ luật thành văn tiêu biểu, có giá trị của chế độ phong kiến Việt Nam còn tồn tại cho tới ngày nay. Việc tìm ra nguyên nhân của những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai bộ luật sẽ giúp chúng ta hiểu rõ được sự tác động mang

tính quyết định của những yếu tố lịch sử, chính trị, kinh tế, xã hội đến nội dung, đặc điểm và tính chất pháp luật của mỗi thời kì; chỉ ra những điểm tiến bộ và hạn chế của từng bộ luật để học hỏi, vận dụng và khắc phục trong quá trình xây dựng pháp luật hiện nay/.

CHÚ THÍCH

- 1, 2. Viện Sử học, *Quốc triều hình luật (bản dịch)*, Nxb Tư pháp, Hà Nội, 2013, tr.11, tr.55.
3. Cao Văn Liên, *Pháp luật các triều đại Việt Nam và các nước*, Nxb Thanh niên, H. 2004, tr.156.
4. *Hoàng Việt luật lệ*, Nguyễn Quang Thắng, Nguyễn Văn Tài dịch, Tập I, Nxb Văn hóa Thông tin, H. 1994, tr.2.
5. Trương Quang Vinh, *Tội phạm và hình phạt trong Hoàng Việt luật lệ*, Nxb Tư pháp, H. 2008, tr.193.
6. Sáu loại đó là: Danh lệ (quy định những nguyên tắc chung về tội phạm và hình phạt, 45 điều), Lại luật (27 điều), Hộ luật (66 điều), Lễ luật (26 điều), Binh luật (58 điều), Công luật (10 điều).
7. *Hoàng Việt luật lệ*, sdd, tập I, tr.9.
8. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Bộ luật Quốc triều hình luật*, Hà Nội, tr.62.
- 9, 10. Trường ĐH Luật Hà Nội, *Giáo trình Lịch sử Nhà nước và Pháp luật*, Nxb Công an nhân dân, H. 2012, tr.233.
11. *Hoàng Việt luật lệ*, sdd, tập IV, tr.555.
- 12, 13, 14. *Bộ Quốc triều hình luật*, sdd, tr.80.
15. *Hoàng Việt luật lệ*, sdd, tập I, tr.1.
16. In Sun Yu, *Luật và xã hội Việt Nam thế kỉ XVII - XVIII*, Nxb Khoa học xã hội, H. 1994, tr.41-42.
17. *Hoàng Việt luật lệ*, sdd, tập I, tr.2.